

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2020

“V/v ly hôn giữa bà B và ông K”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Tao
2. Bà Trần Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 553/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B – Sinh năm: 1992

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 280 ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện nay: Số B2/50A Ấp 2, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Trang Tuấn K – Sinh năm: 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 280 ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 11 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày: bà và ông Trần Trang Tuấn Kiệt chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng đến ngày 01/3/2011 thì mới đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết

hôn số 16/2011, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Long Thới, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi sống chung, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thậm chí xảy ra xô xát. Đến năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân, bà về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn thực trầm trọng và kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn ông K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Nguyễn Bích Ng, sinh ngày 21/12/2011. Bà có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn ông Trần Trang Tuấn K trình bày: Ông thống nhất với bà B về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Ông cũng nhận thấy không thể hàn gắn cuộc hôn nhân nên bà B xin ly hôn thì ông hoàn toàn thống nhất.

Về con chung: Ông thống nhất vợ chồng có 01 con chung như bà B trình bày. Ông cũng có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu bà B cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có khoản nợ chung nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện xin ly hôn ông Trần Trang Tuấn K, cư trú tại xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B kết hôn với ông Trần Trang Tuấn K trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01 tháng 3 năm 2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông K là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa bà B và ông K thấy rằng: Sau khi kết hôn bà B và ông K chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn bắt đầu phát sinh năm 2018 nhưng đến năm 2019 thì trở nên trầm trọng và từ tháng 7/2019 bà B

về nhà bố mẹ đẻ của bà B ở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh sống, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng cả bà B và ông K đều thống nhất ly hôn. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn giữa bà B và ông K thực sự trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, cả bà B và ông K không tìm thấy hạnh phúc khi sống chung cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Trần Trang Tuấn K.

[3] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Trần Trang Tuấn K có 01 con chung là Trần Nguyễn Bích Ng, sinh 21/12/2011. Cả bà B và ông K đều có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét thấy, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Phải quan tâm, chăm lo việc học tập, giáo dục con để con phát triển về thể chất, trí tuệ, đạo đức. Qua trình bày tại phiên tòa cũng như ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thấy rằng: cả bà B và ông K đều có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc đảm bảo. Tuy nhiên, cháu Ngọc là con gái nên việc giao con cho người mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cho sự phát triển về mọi mặt trong đó đặc biệt là sự phát triển về tâm sinh lý trong giai đoạn dậy thì của cháu bé. Chăm sóc cháu bé ở giai đoạn này hoàn toàn khác với việc chăm sóc cháu bé khi còn nhỏ. Lứa tuổi dậy thì có những quy tắc riêng mà cần có sự chỉ dẫn của người mẹ. Hơn nữa, tại biên bản ghi nhận nguyện vọng ngày 10/4/2020 thì cháu Ngọc tự nguyện thể hiện mong muốn được ở cùng bà B. Vì vậy, xét thấy việc giao cháu Trần Nguyễn Bích Ng cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. bà B không yêu cầu ông K cấp dưỡng tiền nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản: bà B, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét. Về nợ chung: bà B và ông K xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Trần Trang Tuấn K.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Bích Ng, sinh 21/12/2011 cho bà Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng. bà B không yêu cầu ông K cấp dưỡng tiền nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà B, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: bà B và ông K xác định không có nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số AA/2018/0034669 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Án xử công khai, có mặt các đương sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Long Thới, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy